**HỘI Y HỌC GIẤC NGỦ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lâm Đồng, ngày tháng năm 2024*

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: …./QĐ-HYHGNVN ngày /2024*

*của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam)*

**1. Tên khoá học và giới thiệu chung về khóa học:**

**1.1. Tên khoá học:**

**Y học giấc ngủ chương trình 06 tháng**

**“Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ”**

**1.2. Giới thiệu:**

Y học giấc ngủ là một chuyên ngành còn non trẻ không chỉ ở Việt Nam mà còn tại một số nước trong khu vực châu Á và một số quốc gia trên thế giới. Y học giấc ngủ bao gồm các bệnh lý chuyên ngành và một số bệnh lý có liên quan đến nhiều chuyên ngành khác nhau như thần kinh, tâm thần, hô hấp – tim mạch, tai mũi họng, lão khoa và dinh dưỡng.

Khóa học đào tạo y khoa liên tục Y học giấc ngủ chương trình 06 tháng với chủ đề “Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ” của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam nhằm cung cấp các kiến thức chuyên ngành về sinh lý giấc ngủ, các bệnh lý giấc ngủ thường gặp như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, rối loạn giấc ngủ ở phụ nữ có thai, bệnh thần kinh, các tình trạng bệnh lý liên quan giấc ngủ như các rối loạn hô hấp khi ngủ, hội chứng cận giấc ngủ, động kinh trong khi ngủ…; các phương pháp để thăm dò chẩn đoán, điều trị, tư vấn về các rối loạn giấc ngủ. Ngoài ra, chương trình đào tạo nhằm để phát triển mạng lưới cán bộ y tế chuyên ngành về y học giấc ngủ tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho người bệnh.

Hội Y học giấc ngủ Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp chuyên ngành được Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập theo Quyết định số 1071/QĐ-BNV ngày 10/12/2019; Bộ Y tế cấp mã ngành đào tạo theo Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc Cấp mã cơ sở Đào tạo liên tục CBYT cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam (mã số B86).

Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam tổ chức khóa học đào tạo y khoa liên tục 6 tháng *“Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ”*là cần thiết và đảm bảo chuyên môn về chuyên ngành y học giấc ngủ cũng như việc tổ chức đào tạo và thực hiện quản lý đào tạo sau khi chương trình đào tạo được Hội đồng chuyên môn Hội Y học giấc ngủ Việt Nam thẩm định, phê duyệt và ban hành theo quy định hiện hành. Đối tượng tham gia khóa học bao gồm các bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

Lớp *“Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ”* được tổ chức trong 06 tháng, bao gồm 960 tiết với 264 tiết lý thuyết được trình bày trong 66 bài học và 696 tiết thực hành được trình bày trong 12 bài thực hành.

**2. Mục tiêu khóa học:**

**2.1. Kiến thức:**

Hiểu được sinh lý bệnh, dịch tễ học, biểu hiện lâm sàng, đánh giá, chẩn đoán và điều trị các loại rối loạn giấc ngủ.

- Nắm được vai trò của chăm sóc sức khỏe từ xa và các phương pháp thay thế trong quản lý về y học giấc ngủ.

- Trình bày được sinh lý học giấc ngủ và các yếu tố ảnh hưởng đến giấc ngủ ở người khỏe mạnh và người có bệnh lý đồng mắc.

- Trình bày được các thay đổi bất thường của giấc ngủ về nhịp sinh học, chu kỳ thức – ngủ.

- Trình bày được các chỉ định về các phương pháp thăm dò giấc ngủ như đa ký giấc ngủ, đa ký hô hấp khi ngủ, các nghiệm pháp đánh giá giấc ngủ và sự tỉnh tảo.

- Phân tích được các thông số đo đa ký giấc ngủ, các thông số kỹ thuật điều trị với máy thở áp lực dương trong ngưng thở khi ngủ.

- Chẩn đoán được các bệnh lý liên quan đến giấc ngủ và rối loạn giấc ngủ ở phụ nữ mang thai, ở người bị động kinh và sa sút trí tuệ.

- Giải thích được cơ chế của các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng trong một số bệnh lý giấc ngủ thường gặp như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, hội chứng cận giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ.

- Giải thích được cơ chế của các thuốc, phương pháp điều trị dung thuốc và không dung thuốc trong các rối loạn giấc ngủ theo chuyên ngành y học giấc ngủ.

- Áp dụng kiến thức trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi một số bệnh lý giấc ngủ thường gặp tại tuyến cơ sở theo nguyên lý y học gia đình và telemedecine.

**2.2. Kỹ năng:**

- Phát triển năng lực ở cấp độ chuyên khoa trong chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ, bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ trong thực hành nghề nghiệp thực tế, các kỹ năng chính bao gồm:

+ Nghiên cứu sâu về sinh lý học thần kinh về giấc ngủ, sự thức tỉnh, tập trung vào toàn bộ các khía cạnh của giấc ngủ, các bệnh lý đi kèm và quá trình thăm khám thực tế.

+ Giải thích và phân tích được các bất thường trong thực hiện các thăm dò chẩn đoán về giấc ngủ (PSG, MSLT, MWT, HSAT, actigraphy…)

+ Xây dựng được phương thức điều trị kết hợp giáo dục sức khỏe, các biện pháp phòng ngừa, điều trị hành vi, điều trị bằng thuốc, không dung thuốc và dựa trên việc sử dụng các trang thiết bị.

- Thực hiện thành thạo các quy trình đo đa ký giấc ngủ, bao gồm chuẩn bị cho bệnh nhân, thu thập dữ liệu, các đề kỹ thuật và giải thích kết quả cho người bệnh.

- Phát triển được các kỹ năng về giáo dục bệnh nhân, kiểm soát hành vi và nhận thức hành vi (CBT) để kiểm soát các rối loạn giấc ngủ.

- Đánh giá sự đa dạng của hệ thống chăm sóc sức khỏe và nguồn lực về y học giấc ngủ từ tuyến cơ sở đến chuyên khoa để có định hướng phát triển kỹ năng phù hợp.

- Có đủ kiến thức và kỹ năng để điều trị bệnh nhân mắc hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng máy CPAP và không sử dụng CPAP.

- Quản lý và điều hành các hoạt động liên quan đến y học giấc ngủ thông qua hoạt động chuyên môn và tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng.

**2.3. Thái độ:**

- Thái độ thể hiện được nhận thức về tầm quan trọng của các bệnh lý giấc ngủ trong y học và thực hành lâm sàng.

- Thái độ tích cực, tác phong nhanh nhẹn, chính xác trong thực hiện hỏi bệnh, tha9m khám lâm sàng và thực hiện các kỹ thuật thăm dò trên người bệnh.

- Rèn luyện thái độ thận trọng, tỷ mỉ và thấu hiểu tâm lý người bệnh trong tác phong thực hành nghề nghiệp.

**3. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên:**

- Đối tượng: bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

**4. Chương trình chi tiết:**

Tổng thời gian là 6 tháng với thời lượng học tập là 960 tiết, bao gồm 264 tiết lý thuyết và 696 tiết thực hành.

Mỗi tiết học được thiết kế 50 phút, giảng dạy theo hình thức trực tuyến (lý thuyết) và trực tiếp (lý thuyết và thực hành).

4.1. Phần lý thuyết: 66 bài, 264 tiết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiết** |
|  | Sinh lý học thần kinh giấc ngủ cơ chế kiểm soát giấc ngủ | 04 |
|  | Sinh lý học thần kinh giấc ngủ điều hòa sinh học của chu trình thức và ngủ | 04 |
|  | Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ NON-REM (NREM) | 04 |
|  | Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ REM | 04 |
|  | Sinh lý học thần kinh trạng thái thức tỉnh | 04 |
|  | Giấc ngủ và hoạt động nhận thức | 04 |
|  | Dịch tễ học, yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe bệnh mất ngủ | 04 |
|  | Chẩn đoán, nhận định và đánh giá bệnh mất ngủ | 04 |
|  | Tổng quan lâm sàng quản lý bệnh mất ngủ | 04 |
|  | Tổng quan về thuốc điều trị mất ngủ | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BENZODIAZEPINES (BZDs) | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc Z (Z-DRUGS) | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BARBITURATES | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc tác động lên hệ thống melatonin | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ:nhóm thuốc đối vận thụ thể OREXIN kép | 04 |
|  | Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ:nhóm đối vận thụ thể Histamin H1 và “OFF-LABEL” | 04 |
|  | Điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ: phương pháp và kỹ thuật thực hiện | 04 |
|  | Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: hiệu lực, hiệu quả và mức độ phổ biến | 04 |
|  | Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: Phương pháp tiếp cận kỹ thuật số và Telehealth | 04 |
|  | Bệnh mất ngủ điều trị bệnh mất ngủ không dùng thuốc | 04 |
|  | Điều trị mất ngủ không dùng thuốc: thực hành thiền chánh niệm | 04 |
|  | Các rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn không REM | 04 |
|  | Rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn REM | 04 |
|  | Hội chứng chân không yên - RLS | 04 |
|  | Cử động chi có chu kỳ khi ngủ - PLM | 04 |
|  | Ngủ rũ (ngủ liệm) | 04 |
|  | Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ rối loạn nhịp thức ngủ muộn - sớm và khác 24 giờ | 04 |
|  | Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ Rối loạn thức ngủ không đều - làm việc theo ca lệch múi giờ - JET LAG | 04 |
|  | Các rối loạn giấc ngủ khác ngủ nhiều vô căn và hội chứng KLEINE-LEVIN | 04 |
|  | Sinh lý giấc ngủ khi mang thai thay đổi nội tiết và sinh lý giấc ngủ | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ khi mang thai - bệnh mất ngủ và thai kì | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ khi mang thai Hội chứng chân không yên và các rối loạn khác | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ khi mang thai ảnh hưởng các biến chứng thai kỳ trên giấc ngủ | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ khi mang thai yếu tố biểu sinh và hệ quả tâm lý - xã hội | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ và bệnh động kinh | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Đau đầu mãn tính và giấc ngủ | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Cơn đau mãn tính và giấc ngủ | 04 |
|  | Rối loạn hô hấp liên quan đến giấc ngủ | 04 |
|  | Đại cương giấc ngủ - sự tỉnh táo - sinh lý học và thăm dò chức năng ứng dụng trong ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Sinh lý tim mạch và hô hấp trong giấc ngủ | 04 |
|  | Ghi nhận chẩn đoán từ đo độ bão hòa Oxy đến đa ký giấc ngủ - nguyên tắc và chỉ định | 04 |
|  | Đánh giá chứng buồn ngủ và sự tỉnh táo | 04 |
|  | Ngáy, người ngủ ngáy, Hội chứng tăng kháng lực đường hô hấp trên và hướng dẫn chẩn đoán trước bệnh ngủ nhiều | 04 |
|  | Đại cương, định nghĩa – phân loại & cơ chế sinh bệnh học ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ | 04 |
|  | Dịch tễ học và gánh nặng y tế - sức khỏe ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ | 04 |
|  | Yếu tố nguy cơ và tình trạng bệnh lý liên quan ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ | 04 |
|  | Chẩn đoán ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ | 04 |
|  | Tầm soát ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Biến chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ | 04 |
|  | Điều trị ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Theo dõi bệnh nhân ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Cá thể hóa chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Tổng quan lâm sàng về chẩn đoán điều trị ngưng thở khi ngủ | 04 |
|  | Hội chứng ngưng thở khi ngủ và bệnh lý tim mạch | 04 |
|  | Hội chứng ngưng thở khi ngủ trên bệnh nhân suy tim | 04 |
|  | Rối loạn giấc ngủ trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) | 04 |
|  | Điều trị Hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng thông khí áp lực dương liên tục về đêm | 04 |
|  | Theo dõi bênh nhân ngưng thở khi ngủ được điều trị bằng thông khí áp lực dương liên tục | 04 |
|  | Theo dõi bệnh nhân bị hội chứng ngưng thở khi ngủ điều trị bằng thông khí áp lực dương tại Việt Nam | 04 |
|  | Buồn ngủ kéo dài trên bệnh nhân điều trị bằng thông khí áp lực dương | 04 |
|  | Điều trị Hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng dụng cụ đặt trong miệng | 04 |
|  | Kỹ thuật đo đa ký hô hấp | 04 |
|  | Kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ | 04 |
|  | Kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp | 04 |
|  | Kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ | 04 |
|  | Kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP | 04 |

4.2. Phần Thực hành: 12 bài, 696 tiết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiết** |
|  | Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ | 40 |
|  | Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân | 40 |
|  | Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh | 40 |
|  | Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ | 40 |
|  | Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm | 40 |
|  | Thực hành đọc kết quả PSG về bệnh ngủ rũ | 40 |
|  | Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ | 40 |
|  | Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp | 40 |
|  | Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ | 40 |
|  | Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp | 120 |
|  | Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ | 120 |
|  | Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP | 196 |

**5. Tên tài liệu dạy - học**

- Tài liệu chính thức: Giáo trình *“Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ”* (VSSM – 2024; 600 trang – Lưu hành nội bộ).

(Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – Ban hành tháng 8 năm 2024 - Lưu hành nội bộ).

- Tài liệu tham khảo:

+ Hướng dẫn phân loại bệnh giấc ngủ ICSD-3 2014, ICSD-3 RT 2023, AASM 2017/2019/2021/2023.

+ Y học giấc ngủ cơ bản - Kỹ thuật thăm dò Giấc ngủ và Hỗ trợ ngưng thở khi ngủ bằng máy thở áp lực dương & Chuyên đề (Hội Y học giấc ngủ Việt Nam 2022 - lưu hành nội bộ).

+ Chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ, Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – 2023 - NXB Y học.

+ Các sách Textbook Nguyên lý chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ (đính kèm trong TLTK của giáo trình).

**6. Phương pháp dạy - học**

Các nội dung lý thuyết và thực hành được thực hiện lồng ghép bằng nhiều phương pháp dạy - học được mô tả cụ thể, gồm:

- Phương pháp thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp thao tác mẫu và thực hành bằng bảng kiểm.

- Phương pháp cầm tay chỉ việc.

- Phương pháp động não.

- Phương pháp dạy học tại phòng khám bệnh.

**7. Tiêu chuẩn giảng viên và trợ giảng**

- Tiêu chuẩn chuyên môn của giảng viên và trợ giảng giảng dạy lý thuyết: Tốt nghiệp từ thạc sĩ - chuyên khoa cấp I trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm y học theo chương trình của Bộ Y tế; có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Tiêu chuẩn giảng viên dạy thực hành lâm sàng: Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp lĩnh vực và có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Số lượng giảng viên cần cho khóa học: tối thiểu là 15 người, trong đó số giảng viên và trợ giảng để giảng dạy lý thuyết cần tối thiểu 05 giảng viên, số giảng viên giảng dạy thực hành cần tối thiểu 15 giảng viên.

**8. Thiết bị, học liệu cho khóa học**

- Phòng học lý thuyết và thực hành.

- Máy chiếu, màn hình trình chiếu.

- Các thiết bị mô phỏng: mô hình người, mô hình đầu người, mô hình người bán thân.

- Máy đo đa kí giấc ngủ, đa ký hô hấp: máy Apnealink Air, máy Nox A1, máy Nox T3s, máy đo đa ký giấc ngủ Neurosoft, BrainBand.

- Máy CPAP, BiPAP, hệ thống Titration CPAP, Máy thăm dò hô hấp – tim mạch khác: phế thân ký, CPET.

**9. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình**

**9.1. Đào tạo trực tiếp**

- Đơn vị chủ trì: Trung tâm Đào tạo - Hội Y học giấc ngủ Việt Nam; địa chỉ 269A Phan Đình Phùng, Đà Lạt.

- Tuyển sinh: trong cả nước. Tiêu chí tuyển sinh như mục 3 nêu trên.

- Địa điểm: Các cơ sở thực hành Lâm sàng và đào tạo của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam theo hợp đồng hợp tác đã được ký kết.

- Điều kiện mở lớp: khi có tối thiểu 15 học viên

- Số lượng học viên: mỗi lớp không quá 30 học viên

- Hình thức học: tập trung theo từng đợt hoặc liên tục.

- Tổ chức khai giảng: khai giảng khóa đào tạo trước khi tổ chức đào tạo theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.

- Tổ chức bế giảng: bế giảng khóa đào tạo và phát chứng chỉ sau khi xét công nhận đủ điều kiện hoàn thành khóa học theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.

- Đánh giá đầu vào (trước khóa học): kiến thức theo mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

- Đánh giá đầu ra (sau khóa học): đánh giá kiến thức theo đúng mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

**9.2. Đào tạo trực tuyến qua mạng Internet (E-learning):**

Hội Y học giấc ngủ Việt Nam thực hiện đào tạo lý thuyết trực tuyến thông qua các nền tảng: google meet, zoom meeting, Z-kawa.

- Cách thức thực hiện: Căn cứ kế hoạch đào tạo, trước buổi học giảng viên sẽ tạo và gửi đường dẫn đến địa chỉ lớp học cho học viên. Học viên đăng nhập theo hệ thống vào tham gia lớp học.

- Thiết bị/ phần mềm cần có: thoe phương thức học tập

- Quản lý học tập: Ban đào tạo thực hiện quản lý đào tạo theo đúng chương trình đạo tạo.

- Cách tổ chức thi/kiểm tra lý thuyết, thực hành: thi, kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thực hành hiện các kỹ thuật thăm dò về giấc ngủ trên người bệnh mô phỏng.

1. **Đánh giá và cấp giấy chứng nhận đào tạo liên tục**

- Cách đánh giá:

+ Điểm chuyên cần tham dự lớp: 10%

+ Điểm đánh giá thường xuyên trong quá trình học: 40%, bao gồm cả đánh giá các chỉ tiêu tay nghề trong quá trình thực hành, thực tập.

+ Điểm đánh giá kết thúc: 50% (thi trắc nghiệm lý thuyết và đánh giá thực hành đo đa ký giấc ngủ).

Lưu ý: học viên không được vắng học quá 10% tổng số tiết học lý thuyết và không được vắng học thực hành; hình thức đánh giá cuối kì: câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi nhỏ, tình huống lâm sàng…

- Điều kiện để được đánh giá là đạt: Học viên có kết quả học tập đạt từ 60% điểm trở lên theo thang điểm 100%.

Cấp chứng chỉ chứng nhận đào tạo liên tục: ***“Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ”.***

- Giá trị chứng chỉ: theo Thông tư số 22/2013/TT/BYT, Thông tư số 26/2020/TT/BYT, Luật Khám chữa bệnh 2023 và Thông tư hướng dẫn số 27/2023-BYT.

**10.a.** **Lưu ý chung:**

- Đối với học viên đã theo học và được cấp chứng chỉ chương trình đào tạo 3 tháng của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam, sẽ học bổ sung những học phần chưa học và thi để được cấp chứng chỉ 6 tháng theo quy chế liên thông.

- Chương trình liên thông bảo đảm đúng quy định 960 tiết, bao gồm 260 tiết lý thuyết và 700 tiết thực hành.

**11. Chỉ tiêu tay nghề:**

Các chỉ tiêu kỹ năng cần đạt sau khóa học, gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên bài** | **Số tiết TH** | **Kỹ năng/ thủ thuật** | **Chỉ tiêu (số lần tối thiểu/HV)** |
|  | Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ | 40 | Thực hiện đúng quy trình chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ | 06 |
|  | Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân | 40 | Thực hiện đúng quy trình đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân | 06 |
|  | Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh | 40 | Thực hiện đúng quy trình thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh | 06 |
|  | Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ | 40 | Thực hiện đúng quy trình điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ | 06 |
|  | Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm | 40 | Thực hiện đúng quy trình Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm | 06 |
|  | Thực hành đọc kết quả PSG về bệnh ngủ rũ | 40 | Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân | 3 |
|  | Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ | 40 | Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân | 3 |
|  | Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp | 40 | Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký hô hấp (với tất cả các loại máy đo) | 6 |
|  | Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ | 40 | Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký Giấc ngủ (với tất cả các loại máy đo) | 6 |
|  | Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp | 120 | Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân | 12 |
|  | Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ | 120 | Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân | 12 |
|  | Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP | 96 | Thực hiện đúng kỹ thuật thở máy áp lực dương liên tục CPAP | 6 |